ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN
Kỷ niệm 80 năm Ngày Toàn quốc kháng chiến (19/12/1946 - 19/12/2026)

I. BỐI CẢNH LỊCH SỬ

1. Tình hình thế giới và trong nước sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ II, hệ thống xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu được hình thành và trở thành trụ cột của các lực lượng hòa bình và dân chủ trên thế giới. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa phát triển với quy mô rộng lớn và khí thế ngày càng mạnh mẽ, nhất là ở châu Á, làm lung lay hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động đòi các quyền dân sinh, dân chủ, giữ gìn hòa bình ở các nước đế quốc cũng bắt đầu phát triển.

Trong bối cảnh tình hình quốc tế diễn ra sự phân hóa nhanh chóng và sâu sắc, đế quốc Mỹ tận dụng các lợi thế, nhanh chóng vươn lên cầm đầu phe tư bản chủ nghĩa, ra sức lôi kéo, tập hợp lực lượng phản động để chống lại các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Bốn mâu thuẫn cơ bản của thế giới vẫn tồn tại, có mặt gay gắt hơn, trong đó mâu thuẫn giữa các lực lượng hòa bình, dân tộc, dân chủ, tiến bộ và hệ thống xã hội chủ nghĩa do Liên Xô làm trụ cột với lực lượng đế quốc, phản cách mạng do Mỹ đứng đầu chi phối quan hệ quốc tế.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) ra đời đánh dấu một bước ngoặt trọng đại trong lịch sử dân tộc, Việt Nam bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nhân dân ta có những thuận lợi rất cơ bản mà nhân tố hàng đầu là chính quyền dân chủ nhân dân do Đảng lãnh đạo đã được thiết lập trên cả nước, từ Trung ương xuống cơ sở; toàn thể dân tộc Việt Nam quyết tâm bảo vệ nền tự do, độc lập và xây dựng chế độ mới. Sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tác động, cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các thuộc địa.

Tuy nhiên, Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa mới thành lập đã phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, trong đó, nổi lên 3 thách thức lớn là "giặc đói", "giặc dốt" và "giặc ngoại xâm". Nền kinh tế đất nước hết sức nguy ngập, nông nghiệp mất mùa, đồng ruộng bỏ hoang, công nghiệp đình đốn, giá cả tăng vọt, nền tài chính quốc gia khánh kiệt, kho bạc trống rỗng, tiền mặt ở ngân khố Trung ương chỉ còn hơn 1,2 triệu đồng; hậu quả của nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 rất nặng nề khiến hơn 2 triệu đồng bào (tương đương gần 1/10 dân số nước ta) chết vì đói, bệnh tật. Do chính sách ngu dân của thực dân Pháp, trên 90% dân số Việt Nam không biết chữ. Nghiêm trọng hơn cả là nạn giặc ngoài, thù trong trực tiếp đe dọa sự tồn vong của chế độ mới. Ở phía bắc vĩ tuyến 16, khoảng 20 vạn quân Trung

Hoa dân quốc, với danh nghĩa quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật, tràn vào nước ta; theo sau là các thế lực phản động người Việt, nguy hiểm nhất là lực lượng "Việt Quốc", "Việt Cách" kéo về nước ra sức hoạt động chống phá cách mạng. Cách mạng Việt Nam thắng lợi đã làm cho các thế lực đế quốc và bọn phản động quốc tế hết sức lo sợ, tìm mọi cách chống phá. Đế quốc Mỹ, thực dân Anh và Trung Hoa dân quốc từng bước thỏa hiệp, mở đường và tạo điều kiện cho thực dân Pháp quay lại xâm lược Việt Nam và Đông Dương.

Những khó khăn trên đe dọa nghiêm trọng nền độc lập tự do của Nhân dân ta, đặt chính quyền cách mạng và vận mệnh dân tộc Việt Nam đứng trước tình thế "ngàn cân treo sợi tóc".

2. Âm mưu, thủ đoạn xâm lược của thực dân Pháp và chủ trương, hành động của ta

a) Âm mưu, thủ đoạn của thực dân Pháp

Với dã tâm cướp nước ta lần nữa, ngày 23/9/1945, được sự giúp đỡ của quân Anh, thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam và Đông Dương lần thứ hai, sau đó từng bước mở rộng đánh chiếm Nam Bộ, Nam Trung Bộ, tìm cách đưa quân ra Bắc Bộ. Ngày 28/02/1946, thực dân Pháp đàm phán và ký với chính quyền Trung Hoa dân quốc "Hiệp ước Hoa - Pháp", bề ngoài là để thay quân đội Trung Hoa giải giáp quân Nhật ở miền Bắc Đông Dương, nhưng thực chất là đưa quân ra chiếm đóng miền Bắc nước ta.

Mặc dù ngày 6/3/1946 đã ký "Hiệp định Sơ bộ" với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhưng quân Pháp vẫn ngang nhiên tăng cường nhiều hoạt động quân sự, liên tục khiêu khích, ra sức xuyên tạc những nội dung đã thỏa thuận. Chúng đẩy mạnh tấn công nhằm đánh chiếm toàn bộ vùng Tây Bắc; đồn trú tại nhiều thành phố ở miền Bắc, liên tục diễu võ, dương oai ở Hà Nội, ráo riết mua chuộc, lôi kéo bọn tay sai để tiêu diệt lực lượng kháng chiến, chống phá chính quyền cách mạng Việt Nam.

Trước sự kiên quyết của ta, sự lên tiếng mạnh mẽ của dư luận tiến bộ trên thế giới và tại Pháp, thực dân Pháp buộc phải đồng ý tiến hành cuộc đàm phán Việt - Pháp tại lâu đài Phôngtennơblô (Cộng hòa Pháp). Tuy nhiên, với lập trường hiếu chiến xâm lược, cuộc đàm phán từ ngày 6/7/1946 đến ngày 13/9/1946 bị đổ vỡ; với mong muốn giữ độc lập, tự do bằng biện pháp hòa bình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký tạm ước 14/9 với Pháp.

Như vậy, từ cuối năm 1945 đến cuối năm 1946, thực dân Pháp đã khước từ thiện chí cũng như mọi cơ hội hòa bình và nhân nhượng của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, một mặt, chúng liên tiếp phá bỏ mọi thỏa thuận đã ký với ta (Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946, Tạm ước ngày 14/9/1946), mặt khác vừa đẩy mạnh các hoạt động quân sự nhằm tiêu diệt lực lượng vũ trang cách mạng, bình định, đánh chiếm, khủng bố, đàn áp, bắn giết đồng bào ta, gây nhiều tội ác trên

khắp Việt Nam; nuôi dưỡng, kích động lực lượng tay sai phản động công khai chống phá chính quyền cách mạng của Nhân dân ta. Trong tháng 11/1946, Pháp nổ súng đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn.

Các hoạt động quân sự, gây tội ác của thực dân Pháp liên tục gia tăng vào những tháng cuối năm 1946. Đặc biệt, trong các ngày 15 và 16/12/1946, quân Pháp tăng cường khiêu khích, phóng xe, ném lựu đạn, nổ súng xung đột với công an, tự vệ, bộ đội của ta, gây hấn nhiều nơi ở Hà Nội. Ngày 17/12/1946, chúng cho xe phá các công sự của ta ở phố Lò Đúc, rồi gây ra vụ tàn sát đẫm máu ở phố Hàng Bún và phố Yên Ninh. Ngày 18/12/1946 và sáng ngày 19/12/1946, quân đội Pháp liên tiếp gửi cho ta hai tối hậu thư đòi chiếm đóng Sở Tài chính, tước vũ khí của tự vệ, công an, đòi ta phải phá bỏ mọi công sự và chướng ngại trên các đường phố và để cho chúng giữ trật tự trong thành phố Hà Nội... Chúng tuyên bố, nếu các yêu cầu đó không được Chính phủ Việt Nam chấp nhận thì quân Pháp sẽ chuyển sang hành động chậm nhất là sáng ngày 20/12/1946.

b) Chủ trương và hành động của ta

Trước âm mưu và hành động xâm lược của thực dân Pháp, cùng với việc xây dựng, củng cố chính quyền, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống Nhân dân, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện các biện pháp đấu tranh mềm dẻo nhằm duy trì hòa bình, giữ vững nền độc lập dân tộc. Để tranh thủ thời gian củng cố lực lượng cách mạng, tránh phải đối phó với nhiều kẻ thù, ta đã khi thì tạm thời hòa hoãn với quân Tưởng để đối phó với quân Pháp, khi thì tạm thời hòa hoãn với Pháp để đuổi quân Tưởng và bọn tay sai ra khỏi đất nước.

Ngày 25/11/1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra chỉ thị Kháng chiến kiến quốc với khẩu hiệu: "Dân tộc trên hết. Tổ quốc trên hết". Nội dung chỉ thị xác định kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng; thống nhất mặt trận Việt - Miên - Lào chống Pháp. Để ngăn chặn cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, giữ hòa bình, giữ độc lập, tự do cho Tổ quốc, Đảng, Chính phủ ta đã đề ra chủ trương "hòa để tiến", đàm phán và ký với Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946. Tiếp đó, sau đổ vỡ của cuộc đàm phán tại Phôngtennơblô, để cứu vãn hòa bình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận động và ký với Bộ trưởng Bộ Hải ngoại Pháp - đại diện Chính phủ Pháp bản Tạm ước ngày 14/9/1946, chấp nhận nhiều nhượng bộ với Pháp, nhiều vấn đề chủ yếu liên quan đến vận mệnh dân tộc chưa được giải quyết mà chỉ với mong muốn đình chỉ xung đột, phóng thích tù binh và tù nhân chính trị, khẳng định với nhân dân Pháp mong muốn hòa bình....

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư tới nguyên thủ các nước Anh, Mỹ, Liên Xô và các thành viên của Liên hợp quốc, nêu rõ thiện chí hòa bình, mong mỏi Liên hợp quốc chấp nhận những yêu cầu chính đáng của Việt Nam để duy trì hòa bình. Đồng thời, Người liên tục gửi thư cho Chính phủ, Quốc hội, Thủ tướng Pháp và cử phái viên đến gặp người đứng đầu Pháp ở Đông Dương, tìm cách cứu vãn

hòa bình, tránh cuộc chiến tranh đổ máu. Nhưng giới cầm quyền Pháp đã khước từ mọi nỗ lực cứu vãn hòa bình của Việt Nam. Rõ ràng, dã tâm của thực dân Pháp là quyết tâm cướp nước ta lần nữa, buộc chúng ta phải cầm vũ khí. Dân tộc Việt Nam lúc này bị đặt trước lựa chọn một trong hai con đường: một là khoanh tay, cúi đầu trở lại nô lệ; hai là cầm súng chiến đấu để bảo vệ tự do và độc lập vừa giành được. Tình hình đó buộc Đảng, Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Nhân dân ta không có lựa chọn nào hơn quyết chiến đấu với quân xâm lược, phát động cuộc kháng chiến toàn quốc để bảo vệ độc lập dân tộc.

Sớm nhận rõ âm mưu của thực dân Pháp, cùng với việc ra sức củng cố chính quyền, đẩy lùi "giặc đói", "giặc dốt", Đảng, Chính phủ chủ trương "vũ trang toàn dân", nhanh chóng chấn chỉnh, mở rộng giải phóng quân. Ngày 22/5/1946, Chính phủ ban hành Sắc lệnh 71/SL ấn định Quy tắc Quân đội quốc gia, nêu rõ: "Quân đội của nước Việt Nam là một Quân đội quốc gia". Đồng thời, Chính phủ mở các trường đào tạo cán bộ, huấn luyện quân sự, phát triển lực lượng vũ trang. Đến cuối năm 1946, quân đội ta đã có hơn 8,2 vạn quân và gần 1 triệu tự vệ, du kích làm nòng cốt để bảo vệ đồng bào và chính quyền cách mạng. Tháng 10/1946, Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ nhất, thống nhất chủ trương, biện pháp để quân và dân cả nước sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu mới; tổ chức lại thành 12 chiến khu. Ngày 12/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ban hành chỉ thị "Toàn dân kháng chiến".

Ngày 18 và 19/12/1946, tại Vạn Phúc, Hà Đông (nay thuộc thành phố Hà Nội), Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp mở rộng do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì, quyết định phát động cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trên phạm vi cả nước.

Chiều ngày 19/12/1946, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Võ Nguyên Giáp quyết định chuyển đến các đơn vị lực lượng vũ trang mật lệnh về ngày, giờ và tín hiệu tổng tiến công kháng chiến trong toàn quốc. 20 giờ ngày 19/12/1946, Pháo binh ta tại Pháo đài Láng bắn những phát đạn đầu tiên, Đài Tiếng nói Việt Nam phát đi tín hiệu, quân và dân Thủ đô Hà Nội đã đồng loạt nổ súng mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc.

II. CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH RA "LỜI KÊU GỌI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN"

Sáng ngày 20/12/1946, *Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh được truyền trên làn sóng phát thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam:

"Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!

Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước.

Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

Kháng chiến thắng lợi muôn năm!

"Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh được ra đời và truyền đi đúng thời điểm lịch sử, đã mang ý nghĩa rất to lớn đối với toàn thể dân tộc Việt Nam và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Thứ nhất, "Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến" có giá trị như lời hịch cứu nước, văn kiện mang tính cương lĩnh, chỉ rõ và sâu sắc hơn những vấn đề cơ bản về đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp, góp phần khơi dậy sức mạnh chủ nghĩa yêu nước, truyền thống anh hùng, bất khuất; động viên, thôi thúc, cổ vũ toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta bước vào cuộc kháng chiến bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc.

Thứ hai, "Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến" thể hiện rõ ý chí quyết tâm sắt đá bảo vệ độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam.

Thứ ba, "Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến" thể hiện sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, bám sát thực tiễn, nắm chắc thời cơ, giành quyền chủ động mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược.

Thứ tư, "Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến" thể hiện trí tuệ, tầm nhìn, bản lĩnh, khát vọng hòa bình của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Nhân dân Việt Nam.

Thứ năm, "Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến" thể hiện được niềm tin mãnh liệt về con đường cách mạng và thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Thứ sáu, "Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến" còn mang ý nghĩa quốc tế, khẳng định tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến, đồng thời vạch trần âm mưu xâm lược, phản động của thực dân Pháp với cách mạng Việt Nam.

Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với các văn kiện: Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" (ngày 25/11/1945), Chỉ thị "Toàn dân kháng chiến" của Ban Thường vụ Trung ương Đảng (ngày 12/12/1946)... và sau đó là tác phẩm "Kháng chiến nhất định thắng lợi" của Tổng Bí thư Trường Chinh, đã xác lập đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ và dựa vào sức mình là chính; trở thành ánh sáng soi đường cho dân tộc ta đi đến thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

III. HƯỞNG ỨNG LỜI KÊU GỌI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN, CẢ DÂN TỘC TA ĐOÀN KẾT MỘT LÒNG CHIẾN ĐẤU CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC, GIÀNH THẮNG LỢI VẺ VANG

1. Chuyển đất nước vào thời chiến và sẵn sàng cho kháng chiến lâu dài

Hưởng ứng Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, 20 giờ ngày 19/12/1946, quân và dân Thủ đô Hà Nội đã mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc, cùng cả nước triển khai thế trận chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc. Trải qua 60 ngày đêm chiến đấu kiên cường, anh dũng, sáng tạo, với tinh thần "Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh", quân và dân Hà Nội đã đánh gần 200 trận, tiêu diệt gần 2.000 tên địch, phá hủy trên 100 xe quân sự, trong đó có 22 xe tăng, xe bọc thép, bắn rơi và phá hủy 5 máy bay, bắn chìm 2 ca nô[1], là địa phương diệt địch lớn nhất cả nước, giam chân quân Pháp dài ngày trong thành phố, tạo điều kiện để cả nước bước vào chiến tranh, triển khai thế trận chiến đấu lâu dài. Ngày 17/02/1947, chấp hành lệnh của Bộ Quốc phòng - Tổng chỉ huy, Trung đoàn Thủ đô đã vượt qua vòng vây dày đặc của địch, rút ra ngoài an toàn. Thắng lợi của mặt trận Hà Nội đã cổ vũ tinh thần, khí thế của quân và dân cả nước, tạo điều kiện thuận lợi để cả nước chuyển vào chiến tranh một cách chủ động.

Phối hợp với Thủ đô Hà Nội, quân và dân các đô thị ở Bắc vĩ tuyến 16 cũng giành được thắng lợi quan trọng. Trừ thành phố Vinh và thị xã Bắc Ninh, còn lại, các thành phố, thị xã khác đã đánh địch kéo dài từ một đến ba tháng. Ba ngày trước khi nổ ra toàn quốc kháng chiến, Trung ương đã chỉ thị Xứ ủy Nam Bộ về phối hợp với chiến trường toàn quốc. Thực hiện chỉ thị của Trung ương, quân và dân Nam Bộ "Thành đồng Tổ quốc" đã tiến công, quấy rối, phong tỏa, phá hoại. Quân và dân duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên đã tích cực đẩy mạnh chiến tranh du kích, đánh phá kế hoạch bình định, kiềm chế không cho địch đưa lực lượng chi viện Trung Bộ và Bắc Bộ.

---

[1]Quân khu Thủ đô, *Thủ đô Hà Nội – lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954),* Nxb Hà Nội, 1986, tr.185

Cùng với phát động và chỉ đạo Toàn quốc kháng chiến, Thường vụ Trung ương Đảng và Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy theo dõi và chỉ đạo hoàn thành cuộc tổng di chuyển cơ quan lãnh đạo kháng chiến, kho tàng, máy móc, trang thiết bị, nguyên vật liệu cần thiết cho kháng chiến lâu dài. Đến tháng 5/1947, hầu hết các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc...đã được chuyển lên Việt Bắc an toàn, ổn định chỗ ở và làm việc. Quá trình di chuyển, Thường vụ Trung ương Đảng và Bộ Quốc phòng - Tổng chỉ huy còn triệu tập nhiều hội nghị để chỉ đạo kháng chiến, các báo vẫn phát hành đều đặn, Đài Tiếng nói Việt Nam không ngừng phát sóng.

Việt Bắc trở thành Thủ đô của cuộc kháng chiến trường kỳ. Ở các địa phương khác cũng diễn ra việc di chuyển cơ quan vào các vùng nông thôn hoặc những nơi rừng núi. Hệ thống thông tin liên lạc giữa các địa phương với Trung ương ở chiến khu Việt Bắc được thiết lập. Nhân dân các vùng có chiến sự cũng triệt để thi hành chính sách "vườn không nhà trống", phá cầu, phá đường nhằm ngăn chặn đường tiến công của địch.

Chỉ sau một thời gian ngắn, mọi hoạt động của đất nước đã chuyển hướng sang thời chiến và phục vụ kháng chiến lâu dài. Cuộc chiến đấu oanh liệt, sáng tạo của quân, dân Thủ đô Hà Nội và của cả nước trong những ngày đầu Toàn quốc kháng chiến đã giáng một đòn mạnh vào chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" và ý chí xâm lược của kẻ thù, làm tiền đề vững chắc cho những thắng lợi tiếp theo của cuộc kháng chiến.

2. Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ và dựa vào sức mình là chính; vừa kháng chiến vừa kiến quốc, giành thắng lợi vẻ vang

Thực hiện chủ trương của Đảng, cả nước đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính, xây dựng hậu phương, cơ sở quan trọng của chế độ mới. Căn cứ địa kháng chiến được củng cố, đời sống đồng bào dần ổn định, bước đầu tổ chức lại sản xuất. Hoạt động đối ngoại được tăng cường làm cho nhân dân tiến bộ trên thế giới, trước hết là nhân dân Pháp hiểu biết về cuộc kháng chiến chính nghĩa của Nhân dân Việt Nam. Kết hợp chặt chẽ giữa kháng chiến và kiến quốc, giữa đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ.

Dưới dự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cả nước xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, đẩy mạnh phát triển chiến tranh du kích, từng bước tiến lên vận động chiến, làm thất bại âm mưu chính sách "dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh"; giữ vững và phát huy quyền chủ động chiến lược, phát triển tiến công và phản công, làm phá sản nỗ lực chiến tranh cao nhất của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

Với âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh", sau khi được tăng cường lực lượng, thực dân Pháp đẩy mạnh hoạt động mở rộng vùng chiếm đóng, ráo riết thực hiện đòn tiến công quyết định để sớm kết thúc chiến tranh. Thu - Đông năm

1947, Bộ Chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương huy động lực lượng lớn, mở cuộc tiến công lên Việt Bắc nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não, phá tan căn cứ kháng chiến của ta. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng và tinh thần sáng tạo, quyết tâm cao, quân và dân ta chiến đấu ngoan cường, giành thắng lợi vẻ vang trong Chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông năm 1947, làm thất bại hoàn toàn chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp, mở ra giai đoạn mới cho cuộc kháng chiến.

Không thể sớm kết thúc chiến tranh theo ý định, thực dân Pháp buộc phải chuyển sang "đánh kéo dài". Trước âm mưu của địch, chúng ta không ngừng chiến đấu, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh kinh tế và chính trị; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng tiềm lực kháng chiến, đẩy mạnh tác chiến đánh bại các cuộc hành quân càn quét, bình định của thực dân Pháp; tiến hành thắng lợi các chiến dịch, nổi bật là:

Chiến dịch Biên Giới (16/9 đến 14/10/1950), ta đã tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, giải phóng một phần vùng biên giới phía Bắc, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, khai thông đường liên lạc quốc tế với các nước xã hội chủ nghĩa, tạo ra bước ngoặt căn bản, đưa cuộc kháng chiến của quân và dân ta bước sang giai đoạn chủ động tiến công. Chiến dịch Hòa Bình (10/12/1951 - 25/02/1952), làm thay đổi cục diện chiến trường chính Bắc Bộ, khẳng định quyền chủ động chiến lược của cuộc kháng chiến. Chiến dịch Tây Bắc (14/10 - 10/12/1952), góp phần bảo vệ và mở rộng vùng giải phóng nối liền Tây Bắc với Việt Bắc và Thượng Lào, củng cố và giữ vững và phát triển quyền chủ động trên chiến lược. Chiến dịch Thượng Lào (13/4 - 03/5/1953), góp phần mở rộng địa bàn đứng chân cho lực lượng kháng chiến Lào, nối liền vùng giải phóng và tạo thế chiến lược có lợi cho cách mạng hai nước, làm phá sản kế hoạch giành lại quyền chủ động chiến lược của Pháp. Đặc biệt, dưới sự chỉ đạo chủ động, linh hoạt của Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ Tổng Tư lệnh, sau 56 ngày đêm chiến đấu kiên cường, quân và dân ta đập tan cố gắng quân sự cao nhất của thực dân Pháp, làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ 1954 "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu", buộc thực dân Pháp phải ký kết Hiệp định Giơnevơ về đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đưa cách mạng Việt Nam bước vào một thời kỳ mới.

IV. PHÁT HUY GIÁ TRỊ NGÀY TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN, THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP, HOÀN THÀNH THẮNG LỢI CUỘC ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, miền Bắc hoàn toàn giải phóng và bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè

lũ tay sai, thực hiện thống nhất đất nước. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã nêu cao ý chí, khát vọng "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một" tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc - xây dựng hậu phương lớn cho cả nước và cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam - đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trải qua 21 năm trường kỳ đấu tranh gian khổ, hy sinh, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân hai miền đất nước giành thắng lợi từng bước, đánh bại 4 chiến lược chiến tranh xâm lược của Mỹ - ngụy. Miền Bắc vừa đẩy mạnh lao động sản xuất, xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng tiềm lực kinh tế, quốc phòng, trở thành hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến miền Nam; vừa anh dũng, kiên cường chiến đấu, đánh bại các cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của đế quốc Mỹ.

Trên chiến trường miền Nam, dưới ánh sáng Nghị quyết Trung ương 15 (1959), Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (09/1960), chúng ta đã hoàn chỉnh đường lối cách mạng, lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân ta anh dũng chiến đấu, đánh bại các âm mưu và hành động xâm lược của Mỹ - ngụy, bảo vệ phong trào cách mạng, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công (1954 - 1960). Trong giai đoạn 1961-1965, cách mạng miền Nam từ khởi nghĩa từng phần phát triển lên chiến tranh cách mạng, kết hợp đấu tranh quân sự và chính trị, đánh địch bằng ba mũi giáp công trên cả ba vùng chiến lược, đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ - ngụy. Giai đoạn giữa năm 1965 - 1968, bằng bản lĩnh, ý chí, tinh thần kiên cường, anh dũng, quân và dân miền Nam đã nêu cao tinh thần dám đánh, biết đánh và đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mỹ- ngụy, làm nên những chiến thắng oanh liệt ở Núi Thành, Vạn Tường, Pleime, Bầu Bàng... tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, buộc đế quốc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Hội nghị Paris. Giai đoạn 1969 - 1973, quân và dân ta đánh bại một bước quan trọng chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh"; đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai, đặc biệt là cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay ném bom chiến lược B52 vào Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương miền Bắc, buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, rút quân Mỹ khỏi miền Nam. Giai đoạn 1973 - 1975, quân và dân ta đẩy mạnh tiến công, nắm chắc thời cơ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, kết thúc thắng lợi bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Sau ngày thống nhất đất nước, nước ta phải đối mặt với muôn vàn khó khăn. Việt Nam là một nước được xếp trong nhóm 20 nước nghèo nhất thế giới, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, khủng hoảng kinh tế - xã hội diễn ra gay gắt, đời sống Nhân dân hết sức khó khăn, bị các thế lực thù địch bao vây, cấm vận. Trước những khó

khăn, thử thách, một lần nữa, Đảng ta đã phát huy tốt vai trò người cầm lái con thuyền cách mạng, lãnh đạo Nhân dân ta vừa tập trung khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống, vừa chiến đấu bảo vệ vững chắc biên giới Tổ quốc và làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả, giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng để hồi sinh xây dựng và phát triển đất nước.

Trong bối cảnh hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, Đông Âu sụp đổ, cách mạng thế giới tạm lâm vào thoái trào, Đảng ta đã chủ trương tiến hành công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Sau 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, toàn diện, có ý nghĩa lịch sử, góp phần nâng tầm uy tín, vị thế đất nước trên trường quốc tế.

Từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, chịu hậu quả nặng nề bởi chiến tranh, bao vây, cấm vận, năm 2025, Việt Nam đã vươn lên trở thành quốc gia có quy mô nền kinh tế đạt 514 tỷ USD, xếp thứ 32 thế giới và thuộc nhóm 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại và thu hút đầu tư nước ngoài; GDP bình quân đầu người đạt 5.026 USD, gia nhập nhóm nước có thu nhập trung bình cao. Đến năm 2025, tỷ lệ đô thị hóa đạt 45%; phát triển văn hóa, con người và xã hội đạt những kết quả quan trọng; an sinh xã hội và đời sống Nhân dân được đảm bảo; chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,766 điểm thuộc nhóm nước phát triển con người cao; chỉ số hạnh phúc xếp thứ 46/143 quốc gia. Các chính sách, giải pháp giảm nghèo bền vững được triển khai đồng bộ, hiệu quả; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều năm 2025 còn 1,3%; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95,2%; tuổi thọ trung bình đạt 74,8 năm. Quốc phòng, an ninh không ngừng được củng cố, tăng cường; quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế được nâng tầm, đạt nhiều kết quả nổi bật. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình để xây dựng, phát triển đất nước. Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân tinh, gọn, mạnh, cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Công nghiệp quốc phòng, an ninh được đầu tư phát triển có đột phá theo hướng tự chủ, lưỡng dụng, hiện đại. Đối ngoại được phát triển mạnh mẽ, hiệu quả. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa; phát triển đối ngoại trong kỷ nguyên mới, tương xứng với tầm vóc lịch sử, văn hóa và vị thế của đất nước. Bảo đảm và bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc của luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi. Chủ động, tích cực đóng góp vào hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển bền vững trên tinh thần là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Đến nay, Việt Nam đã bình thường hóa và thúc đẩy quan hệ với các đối tác then chốt; gia nhập hầu hết các tổ chức quốc tế; thiết lập, duy trì quan hệ ngoại giao với 194/194 nước thành viên của Liên Hợp quốc; có quan hệ đối tác chiến lược với 14 quốc gia, đối tác chiến lược toàn diện với 15 đối tác (14 quốc gia và 1 tổ chức là Liên minh Châu Âu).

Thắng lợi của công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thành tựu của công cuộc đổi mới là tiền đề để đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên phát triển giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc của dân tộc - với cơ hội và thách thức đan xen. Phát huy tinh thần và những bài học quý báu từ Toàn quốc kháng chiến, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm xây đất nước phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, hiện thực hóa Di chúc thiêng liêng của Bác Hồ: "... xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh...". Để biến khát vọng đó thành hiện thực, cần kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. Gắn kết chặt chẽ tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận với xây dựng và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đồng thời cần giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khai thông mọi nguồn lực, phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh của đất nước, trong đó:

- Phát huy những bài học lịch sử quý báu, cần tiếp tục củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Đồng thời, khơi dậy mạnh mẽ lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng cống hiến của mỗi cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân.

- Gắn truyền thống đấu tranh cách mạng với yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới, cần đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát huy nguồn lực con người; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Mỗi thành tựu trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh đều góp phần làm cho nền độc lập, tự chủ của đất nước ngày càng vững chắc.

- Thường xuyên nâng cao cảnh giác, chủ động phòng ngừa, đấu tranh với các âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam.

- Quan tâm giáo dục truyền thống cách mạng, lịch sử dân tộc cho thế hệ trẻ. Mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn viên, thanh niên, học sinh, sinh viên cần nhận thức sâu sắc giá trị của hòa bình, độc lập, tự do; trân trọng những hy sinh, cống hiến

của các thế hệ cha anh; không ngừng học tập, rèn luyện, lao động sáng tạo, làm chủ khoa học, công nghệ và có trách nhiệm với cộng đồng, đất nước.

*

* *

Kỷ niệm 80 năm Ngày Toàn quốc kháng chiến không chỉ để ôn lại những năm tháng hào hùng của dân tộc mà còn là dịp khơi dậy niềm tự hào, củng cố niềm tin, tiếp thêm động lực để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta tiếp tục phát huy truyền thống bất khuất của cha ông. Từ tinh thần "Toàn quốc kháng chiến" đến khát vọng xây dựng một Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, hùng cường, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc hôm nay là sự tiếp nối nhất quán của ý chí quyết tâm bảo vệ vững chắc Tổ quốc và khát vọng phát triển đất nước. Phát huy giá trị lịch sử và những bài học từ Toàn quốc kháng chiến, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta tiếp tục đoàn kết một lòng, nêu cao ý chí tự lực, tự cường, chung sức, đồng lòng xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; quyết tâm vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội XIV, các nghị quyết chiến lược của Đảng, hướng tới hai mục tiêu 100 năm, vì một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội./.

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG -
TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM